

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-3-2023
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Viễn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Hạnh.

2. Bà Trần Thúy Nga.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị Vũ Thị Kim T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp 1, xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

2. ***Bị đơn:*** Anh Trần Văn Q, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp C, xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/6/2022; bản tự khai ngày 10/8/2022 nguyên đơn là chị Vũ Thị Kim T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn Q tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Suối Nho, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 09/12/2014. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không có con cái nên hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng trong cuộc sống. Chị và anh Q đã không còn chung sống với nhau từ năm 2022 đến nay. Nay chị nhận thấy không còn

tình cảm với anh Q nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn Q

- Về con chung: Chị và anh Trần Văn Q không có con chung và hiện tại chị không có mang thai với anh Q nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị và anh Trần Văn Q tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 17/10/2022 bị đơn là anh Trần Văn Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị Kim T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Suối Nho, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 09/12/2014. Anh cũng thừa nhận cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không có con cái nên hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng trong cuộc sống. Hiện nay anh và chị T không còn chung sống với nhau. Nay chị T có yêu cầu được ly hôn với anh thì anh đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm Q thụ lý của Tòa án, thủ tục T thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tổng đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các Q nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật.

Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Chị T và anh Q đều thừa nhận tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Q đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung: Chị T và anh Q đều khai chị T và anh Q không có con chung nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Vũ Thị Kim T chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm Q giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Trần Văn Q có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị Vũ Thị Kim T yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh Trần Văn Q nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Chị Vũ Thị Kim T là nguyên đơn; anh Trần Văn Q là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Vũ Thị Kim T và anh bị đơn anh Trần Văn Q đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chị T và anh Q tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Suối Nho, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 09/12/2014 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị Kim T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị T và anh Q đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh Q đã xảy ra những bất đồng, mâu Tẫn và hai người đã tự chấm dứt đời sống chung của vợ chồng từ năm 2022 đến nay. Tại Điều của 19 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...có nghĩa vụ sống chung với nhau*”. Tuy nhiên, kể từ khi chị T anh Q không còn sống chung với nhau thì hai người cũng không quan tâm, chăm sóc, không thực hiện Q nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Vì lẽ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Mâu Tẫn vợ chồng giữa chị T và anh Q đã trầm trọng; cuộc sống chung không còn; mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị T yêu cầu xin ly hôn với anh Q là có căn cứ. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Q theo Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về con chung: Chị T và anh Q khai không có con chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Vũ Thị Kim T chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 10, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1) Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị Kim T. Chị Vũ Thị Kim T được ly hôn với anh Trần Văn Q.

2) Về con chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

3) Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4) Về án phí: Chị Vũ Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Lựa đã nộp theo biên lai số 0003698 ngày 21/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Chị T đã nộp đủ án phí.

5) Về Q kháng cáo: Chị Vũ Thị Kim T và anh Trần Văn Q được Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thoả Tận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã Suối Nho
(giấy CNKH số 144, ngày 09/12/2014);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Viễn

